# ĐIỀU TRA DOANH NGHIỆP NĂM 2018

**Phiếu 1A.7.2/ĐTDN-XNKDVNH** | **Mã số thuế** | | | | | | | | | | | | | |

## HOẠT ĐỘNG XUẤT, NHẬP KHẨU DỊCH VỤ CỦA NGÂN HÀNG, TỔ CHỨC TÍN DỤNG
## Năm 2017

***(Áp dụng cho các ngân hàng thương mại và tổ chức tài chính)***

**Tên ngân hàng, tổ chức tài chính:** .....

*(Viết đầy đủ bằng chữ in hoa, có dấu)* .....

**Địa chỉ**: ..... *CQ Thống kê ghi*

Tỉnh/thành phố trực thuộc TW:.....

Huyện/quận *(thị xã, TP thuộc tỉnh)* .....

**Ngành SXKD chính:**.....

*(VSIC 2007-Cấp 5)*

**1. Tổng số lao động thời điểm 31/12/2017:** *Người*

**2. Thu/chi dịch vụ với nước ngoài *(Xuất, nhập khẩu dịch vụ)***

*(Chỉ bao gồm các khoản thu/chi của ngân hàng, tổ chức tín dụng với phía nước ngoài (cá nhân, tổ chức, đơn vị không thường trú của Việt Nam), không thống kê các khoản thanh toán hộ khách hàng)*

*Đơn vị tính: Triệu đồng*

| | Mã số | Năm 2017 | |
|---|---|---|---|
| | | Xuất khẩu | Nhập khẩu |
| **A** | **B** | **1** | **2** |
| **I. Dịch vụ tài chính, ngân hàng** | **2600** | | |
| **II. Dịch vụ khác** | | | |
| 1. Dịch vụ bưu chính, viễn thông | 2450 | x | |
| 2. Dịch vụ xây dựng ở Việt Nam | 2510 | x | |
| 3. Phí bảo hiểm | 2530 | x | |
| 4. Dịch vụ máy tính, thông tin | 2620 | x | |
| 4.1. Dịch vụ máy tính | 2630 | x | |
| 4.2. Dịch vụ thông tin | 2640 | x | |
| 5. Phí bán/mua quyền sử dụng giấy phép, thương hiệu, bản quyền | 2660 | | |
| 6. Dịch vụ kinh doanh khác | 2680 | | |
| 7. Dịch vụ cá nhân, văn hoá, giải trí | 2870 | | |
| 7.1. Dịch vụ giáo dục | 8950 | | |
| 7.2. Dịch vụ phục vụ cá nhân, văn hoá, giải trí khác | 8970 | | |

**3. Thu/chi dịch vụ *(Xuất, nhập khẩu dịch vụ)* chia theo nước đối tác**

| Mã số dịch vụ *(ghi theo cột B ở câu 2)* | Nước đối tác *(ghi theo nước cư trú của khách hàng nước ngoài)* | Mã nước *(Cơ quan Thống kê ghi)* | **Năm 2017** | |
|---|---|---|---|---|
| | | | **Xuất khẩu** | **Nhập khẩu** |
| | | | | |
| | | | | |
| | | | | |
| | | | | |
| | | | | |
| | | | | |
| | | | | |
| | | | | |
| | | | | |
| | | | | |
| | | | | |
| | | | | |
| | | | | |
| | | | | |
| | | | | |
| | | | | |
| | | | | |
| | | | | |
| | | | | |
| | | | | |
| | | | | |

*Ghi chú: Các ô đánh dấu (X): số liệu mục này không phát sinh*

*Đối với các dịch vụ khác, chỉ thống kê các giao dịch có giá trị từ 100 triệu đồng trở lên (tương đương 5.000 USD)*